

Công ty Cổ phần Ngô Han
Thông tin Công ty

Giấy phép Đầu tư số	52914	ngày 16 tháng 6 năm 1997
	52914	ngày 30 tháng 9 năm 2002
	52914	ngày 11 tháng 4 năm 2003
	52914	ngày 12 tháng 11 năm 2003

Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh số	4703000102	ngày 26 tháng 4 năm 2004
	4703000102	ngày 10 tháng 5 năm 2004
	4703000102	ngày 11 tháng 6 năm 2007
	4703000102	ngày 30 tháng 7 năm 2008
	4703000102	ngày 22 tháng 10 năm 2008
	4703000102	ngày 20 tháng 2 năm 2009

Giấy phép đầu tư, giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh và các giấy phép điều chỉnh do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Đồng Nai cấp và có giá trị trong 50 năm kể từ ngày cấp giấy phép đầu tư đầu tiên.

Hội đồng Quản trị	Ngô Thị Thông	Chủ tịch
	Nguyễn Anh Tuấn	Thành viên
	Huỳnh Quốc Thái	Thành viên
	Nguyễn Khánh Linh	Thành viên
	Nguyễn Huy Hùng	Thành viên

Ban Giám đốc	Ngô Thị Thông	Tổng Giám đốc (từ ngày 1 tháng 6 năm 2010)
	Low Siew Chain	Tổng Giám đốc (đến ngày 31 tháng 5 năm 2010)

Trụ sở đăng ký	Xã Phước Thái, Huyện Long Thành Tỉnh Đồng Nai Việt Nam
-----------------------	--

Đơn vị kiểm toán	Công ty TNHH KPMG Việt Nam
-------------------------	-------------------------------



KPMG Limited
10th Floor, Sun Wah Tower
115 Nguyen Hue Street
District 1, Ho Chi Minh City
The Socialist Republic of Vietnam

Telephone +84 (8) 3821 9266
Fax +84 (8) 3821 9267
Internet www.kpmg.com.vn

BÁO CÁO CỦA KIỂM TOÁN VIÊN ĐỘC LẬP

**Kính gửi các Cổ đông
Công ty Cổ phần Ngô Han**

Phạm vi kiểm toán

Chúng tôi đã kiểm toán bảng cân đối kế toán đính kèm của Công ty Cổ phần Ngô Han tại ngày 31 tháng 12 năm 2010 báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, báo cáo thay đổi vốn chủ sở hữu và báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm kết thúc cùng ngày và các thuyết minh kèm theo được Ban Giám đốc phê duyệt phát hành vào ngày 11 tháng 3 năm 2011. Các báo cáo tài chính này thuộc trách nhiệm của Ban Giám đốc Công ty. Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính này căn cứ trên kết quả kiểm toán của chúng tôi.

Chúng tôi đã thực hiện công việc kiểm toán theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi phải lập kế hoạch và thực hiện công việc kiểm toán để có được sự đảm bảo hợp lý rằng báo cáo tài chính không chứa đựng các sai sót trọng yếu. Công việc kiểm toán bao gồm việc kiểm tra, trên cơ sở chọn mẫu, các bằng chứng xác minh cho các số liệu và thuyết trình trong báo cáo tài chính. Công việc kiểm toán cũng bao gồm việc đánh giá các nguyên tắc kế toán được áp dụng và các ước tính trọng yếu của Ban Giám đốc, cũng như việc đánh giá cách trình bày tổng quát của báo cáo tài chính. Chúng tôi cho rằng công việc kiểm toán đã đưa ra những cơ sở hợp lý để làm căn cứ cho ý kiến của chúng tôi.

Ý kiến kiểm toán

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Ngô Han tại ngày 31 tháng 12 năm 2010 và kết quả hoạt động kinh doanh và các luồng lưu chuyển tiền tệ trong năm kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Hệ thống Kế toán Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan.

**Công ty TNHH KPMG
Việt Nam**

Giấy Chứng nhận Đầu tư số: 011043000345

Báo cáo kiểm toán số: 10-01-189




Chang Hung Chun

Chứng chỉ kiểm toán viên số N0863/KTV
Phó Tổng Giám đốc



Nguyễn Thanh Nghị

Chứng chỉ kiểm toán viên số 0304/KTV

Thành phố Hồ Chí Minh, 11 MAR 2011

Công ty Cổ phần Ngô Han
Bảng cân đối kế toán ngày 31 tháng 12 năm 2010

	Mã số	Thuyết minh	31/12/2010 VNĐ	31/12/2009 VNĐ
TÀI SẢN				
Tài sản ngắn hạn	100		673.169.814.971	428.437.793.292
Tiền và các khoản tương đương tiền	110	3	17.523.029.503	91.518.401.006
Các khoản phải thu	130	4	245.265.054.540	152.751.035.717
Phải thu thương mại	131		231.775.963.757	151.426.337.582
Trả trước cho người bán	132		8.334.420.608	825.668.667
Phải thu khác	135		5.385.870.230	715.546.749
Dự phòng phải thu khó đòi	139		(231.200.055)	(216.517.281)
Hàng tồn kho	140	5	379.955.133.574	180.840.402.756
Tài sản ngắn hạn khác	150		30.426.597.354	3.327.953.813
Chi phí trả trước ngắn hạn	151		1.482.382.594	1.288.336.294
Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		28.910.014.806	2.035.383.017
Thuế phải thu Ngân sách Nhà nước	154		31.516.232	49.600
Tài sản ngắn hạn khác	158		2.683.722	4.184.902
Tài sản dài hạn	200		70.000.127.013	71.835.123.414
Tài sản cố định	220		65.522.716.692	70.673.396.858
Tài sản cố định hữu hình	221	6	59.563.756.748	55.248.586.556
Nguyên giá	222		148.987.154.622	134.771.526.968
Giá trị hao mòn lũy kế	223		(89.423.397.874)	(79.522.940.412)
Tài sản cố định vô hình	227	7	1.201.092.750	174.114.571
Nguyên giá	228		2.269.329.818	606.278.318
Giá trị hao mòn lũy kế	229		(1.068.237.068)	(432.163.747)
Xây dựng cơ bản dở dang	230	8	4.757.867.194	15.250.695.731
Tài sản dài hạn khác	260		4.477.410.321	1.161.726.556
Chi phí trả trước dài hạn	261	9	4.297.137.318	981.453.553
Tài sản thuế hoãn lại	262		180.273.003	180.273.003
TỔNG TÀI SẢN	270		743.169.941.984	500.272.916.706

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành báo cáo tài chính này

Công ty Cổ phần Ngô Han

Bảng cân đối kế toán ngày 31 tháng 12 năm 2010 (tiếp theo)

	Mã số	Thuyết minh	31/12/2010 VNĐ	31/12/2009 VNĐ
NGUỒN VỐN				
NỢ PHẢI TRẢ	300		486.084.042.412	259.435.208.422
Nợ ngắn hạn	310		484.922.718.053	258.293.263.922
Vay ngắn hạn	311	10	341.951.523.676	172.707.680.129
Phải trả thương mại	312		126.007.661.525	50.870.488.854
Người mua ứng trước	313		202.069.153	1.600.990.766
Thuế phải nộp Ngân sách Nhà nước	314	11	9.667.503.703	17.738.483.065
Phải trả nhân viên	315		1.005.511.133	677.392.738
Chi phí phải trả	316	12	2.605.669.849	4.161.444.014
Phải trả khác	319	13	3.482.779.014	10.536.784.356
Nợ dài hạn	330		1.161.324.359	1.141.944.500
Dự phòng trợ cấp thôi việc	336	14	1.161.324.359	1.141.944.500
VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		257.085.899.572	240.837.708.284
Vốn chủ sở hữu	410		257.085.899.572	240.837.708.284
Vốn cổ phần	411	15	229.506.273.435	229.506.273.435
Cổ phiếu quỹ	413	15	(766.560.000)	-
Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	419	15	766.560.000	-
Lợi nhuận chưa phân phối	420		27.579.626.137	11.331.434.849
TỔNG NGUỒN VỐN	440		743.169.941.984	500.272.916.706

Người lập:



Nguyễn Thị Hương
Kế toán trưởng



Người duyệt:

Ngô Thị Thông
Tổng Giám đốc

11 MAR 2011

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành báo cáo tài chính này

Công ty Cổ phần Ngô Han

Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010

	Mã số	Thuyết minh	2010 VNĐ	2009 VNĐ
Tổng doanh thu	01	16	1.215.977.838.104	1.008.661.891.939
Các khoản giảm trừ	03		(393.242.108)	(3.428.184.082)
Doanh thu thuần	10		1.215.584.595.996	1.005.233.707.857
Giá vốn hàng bán	11	17	(1.106.216.120.306)	(892.822.370.092)
Lợi nhuận gộp	20		109.368.475.690	112.411.337.765
Doanh thu hoạt động tài chính	21	18	10.053.049.229	8.684.585.728
Chi phí tài chính	22	19	(31.897.559.922)	(52.931.189.155)
Chi phí bán hàng	24		(12.918.830.098)	(7.483.881.202)
Chi phí quản lý doanh nghiệp	25		(10.339.486.542)	(8.046.972.952)
Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		64.265.648.357	52.633.880.184
Kết quả từ những hoạt động khác	40			
Thu nhập khác	31	20	243.993.562	1.180.474.458
Chi phí khác	32		(4.217.073)	(155.328.842)
Lợi nhuận trước thuế	50		64.505.424.846	53.659.025.800
Chi phí thuế thu nhập hiện hành	51	21	(16.126.356.213)	(10.253.288.178)
Lợi ích thuế thu nhập hoãn lại	52	21	-	180.273.003
Lợi nhuận thuần sau thuế	60		48.379.068.633	43.586.010.625
Lãi trên cổ phiếu				
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	0	2.115	1.905

Người lập:



Nguyễn Thị Hương
Kế toán trưởng



Ngô Thị Thông
Tổng Giám đốc

11 MAR 2011

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành báo cáo tài chính này

Công ty Cổ phần Ngô Han

Báo cáo thay đổi vốn chủ sở hữu cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010

	Vốn góp VND	Cổ phiếu quỹ VND	Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu VND	Lợi nhuận chưa phân phối VND	Tổng VND
Số dư ngày 1 tháng 1 năm 2009	227.233.930.435	-	-	35.801.993.160	263.035.923.595
Lợi nhuận thuần trong năm	-	-	-	43.586.010.625	43.586.010.625
Cổ phiếu thưởng đã phát hành	2.272.343.000	-	-	(2.272.343.000)	-
Cổ tức (thuyết minh 23)	-	-	-	(65.784.225.936)	(65.784.225.936)
Số dư ngày 1 tháng 1 năm 2010	229.506.273.435	-	-	11.331.434.849	240.837.708.284
Lợi nhuận thuần trong năm	-	-	-	48.379.068.633	48.379.068.633
Cổ phiếu quỹ thu lại từ các nhân viên nghỉ việc	-	(766.560.000)	766.560.000	-	-
Cổ tức (thuyết minh 23)	-	-	-	(32.130.877.345)	(32.130.877.345)
Số dư ngày 31 tháng 12 năm 2010	229.506.273.435	(766.560.000)	766.560.000	27.579.626.137	257.085.899.572

Người lập:



Nguyễn Thị Hương
Kế toán trưởng

Người duyệt:



Ngô Thị Thông
Tổng Giám đốc

11 MAR 2011

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành báo cáo tài chính này

Công ty Cổ phần Ngô Han

Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010

	Mã số	Thuyết minh	2010 VND	2009 VND
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH				
Lợi nhuận trước thuế	01		64.505.424.846	53.659.025.800
Điều chỉnh cho các khoản				
Khấu hao và phân bổ	02		12.726.345.719	9.998.190.046
Dự phòng	03		58.357.633	55.317.674
Lỗi chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	04		2.189.956.121	8.831.752.125
Thu nhập lãi tiền gửi	05		(4.220.358.401)	(4.805.569.728)
Chi phí lãi vay	06		11.467.202.369	9.586.622.805
Lãi thanh lý tài sản cố định	07		(50.000.000)	(2.000.000)
Xóa sổ xây dựng cơ bản dở dang	08		-	414.142.078
Lợi nhuận hoạt động kinh doanh trước những thay đổi vốn lưu động	09		86.676.928.277	77.737.480.800
Biến động các khoản phải thu và tài sản ngắn hạn khác	10		(119.627.345.138)	(21.678.437.054)
Biến động hàng tồn kho	10		(199.114.730.818)	107.719.042.767
Biến động các khoản phải trả và nợ khác	11		66.589.078.502	31.234.842.700
			(165.476.069.177)	195.012.929.213
Lãi vay đã trả	13		(11.965.577.310)	(10.288.325.959)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	14		(23.194.818.420)	(377.836.908)
Tiền thuần (chi cho)/thu từ hoạt động kinh doanh	20		(200.636.464.907)	184.346.766.346

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành báo cáo tài chính này

Công ty Cổ phần Ngô Han

Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010 (tiếp theo)

	Mã số	Thuyết minh	2010 VNĐ	2009 VNĐ
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ				
Chi mua tài sản cố định và tài sản dài hạn khác	21		(10.891.349.318)	(11.788.188.079)
Thu từ thanh lý tài sản cố định	22		50.000.000	2.000.000
Đầu tư tiền gửi ngắn hạn	23		-	308.268.820
Thu lãi tiền gửi	27		4.220.358.401	4.805.569.728
Tiền thuần chi cho hoạt động đầu tư	30		(6.620.990.917)	(6.672.349.531)
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH				
Thu từ vay ngắn hạn	33		1.112.824.355.162	528.441.711.672
Chi trả nợ gốc vay	34		(944.766.347.697)	(608.409.094.189)
Chi trả cổ tức	36		(34.795.923.144)	(60.755.830.936)
Tiền thuần thu từ/(chi cho) hoạt động tài chính	40		133.262.084.321	(140.723.213.453)
Lưu chuyển tiền thuần trong năm	50		(73.995.371.503)	36.951.203.362
Tiền và các khoản tương đương đầu năm	60		91.518.401.006	54.567.197.644
Tiền và các khoản tương đương cuối năm	70	3	17.523.029.503	91.518.401.006

Người lập:



Nguyễn Thị Hương
Kế toán trưởng

Người duyệt:



Ngô Thị Thông
Tổng Giám đốc

11 MAR 2011

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành báo cáo tài chính này

Công ty Cổ phần Ngô Han

Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với các báo cáo tài chính đính kèm.

1. Đơn vị báo cáo

Công ty Cổ phần Ngô Han (“Công ty”) là công ty cổ phần được thành lập tại Việt Nam. Hoạt động chính của Công ty là sản xuất nguyên liệu đồng, nhôm, dây và cáp điện; mua bán nguyên liệu đồng, nhôm, sơn cách điện, giấy cách điện, dây điện từ, dây và cáp điện; và mua bán phế liệu phế thải đồng và nhôm.

Cổ phiếu của Công ty được niêm yết trên Sàn giao dịch chứng khoán thanh phố Hồ Chí Minh từ ngày 26 tháng 1 năm 2010.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2010 Công ty có 226 nhân viên (ngày 31 tháng 12 năm 2009: 179 nhân viên).

2. Tóm tắt những chính sách kế toán chủ yếu

Sau đây là những chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập các báo cáo tài chính này.

(a) Cơ sở lập báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính trình bày bằng Đồng Việt Nam (“VNĐ”), được lập theo Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Hệ thống Kế toán Việt Nam và các qui định pháp lý có định liên quan.

Các báo cáo tài chính, ngoại trừ báo cáo lưu chuyển tiền tệ, được lập trên cơ sở dồn tích theo nguyên tắc giá gốc. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ được lập theo phương pháp gián tiếp.

(b) Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty là từ ngày 1 tháng 1 đến ngày 31 tháng 12.

(c) Các giao dịch bằng ngoại tệ

Các khoản mục tài sản và nợ phải trả có gốc bằng đơn vị tiền tệ khác VNĐ được quy đổi sang VNĐ theo tỷ giá hối đoái của ngày kết thúc niên độ kế toán. Các giao dịch bằng các đơn vị tiền khác VNĐ trong năm được quy đổi sang VNĐ theo tỷ giá hối đoái tương đương tỷ giá hối đoái tại ngày giao dịch.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh phù hợp với Chuẩn mực Kế toán Việt nam số 10 (“VAS 10”) – Ảnh hưởng của việc thay đổi tỷ giá hối đoái.

Công ty Cổ phần Ngô Han

Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010
(tiếp theo)

(d) Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt và tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn. Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có tính thanh khoản cao, có thể dễ dàng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định, ít rủi ro về thay đổi giá trị và được sử dụng cho mục đích đáp ứng các cam kết chi tiền ngắn hạn hơn là cho mục đích đầu tư hay là các mục đích khác.

(e) Các khoản phải thu

Các khoản phải thu thương mại và các khoản phải thu khác được phản ánh theo nguyên giá trừ đi dự phòng phải thu khó đòi.

(f) Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được phản ánh theo giá trị bằng với số thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và bao gồm tất cả các chi phí liên quan phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Đối với thành phẩm và sản phẩm dở dang, giá gốc bao gồm chi phí nguyên vật liệu, chi phí nhân công trực tiếp và các chi phí sản xuất chung đã được phân bổ. Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của sản phẩm tồn kho, trừ đi chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm và chi phí bán hàng ước tính.

Công ty áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho.

(g) Tài sản cố định hữu hình

(i) Nguyên giá

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua, thuế nhập khẩu, các loại thuế mua hàng không hoàn lại và chi phí phân bổ trực tiếp để đưa tài sản đến vị trí và trạng thái hoạt động cho mục đích sử dụng đã dự kiến, và chi phí tháo dỡ và di dời tài sản và khôi phục hiện trường tại địa điểm đặt tài sản. Các chi phí phát sinh sau khi tài sản cố định hữu hình đã đưa vào hoạt động như chi phí sửa chữa, bảo dưỡng và đại tu thường được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong năm tại thời điểm phát sinh chi phí. Trong trường hợp có thể chứng minh một cách rõ ràng rằng các khoản chi phí này làm lợi ích kinh tế trong tương lai dự tính thu được do việc sử dụng tài sản cố định hữu hình tăng trên mức hoạt động tiêu chuẩn đã được đánh giá ban đầu, thì các chi phí này được vốn hóa như một khoản nguyên giá tăng thêm của tài sản cố định hữu hình.

Công ty Cổ phần Ngô Han

**Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010
(tiếp theo)**

(ii) Khấu hao

Khấu hao được tính theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính của tài sản cố định hữu hình. Thời gian hữu dụng ước tính như sau:

▪ nhà xưởng	5 – 25 năm
▪ máy móc	4 – 12 năm
▪ thiết bị văn phòng	3 – 8 năm
▪ phương tiện vận chuyển	6 năm

(h) Tài sản cố định vô hình

Phần mềm vi tính

Giá mua của phần mềm vi tính mới mà phần mềm này không là một bộ phận gắn kết với phần cứng có liên quan thì được vốn hoá và hạch toán như tài sản cố định vô hình. Phần mềm vi tính được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong vòng 3 đến 4 năm.

(i) Xây dựng cơ bản dở dang

Xây dựng cơ bản dở dang phản ánh các khoản chi cho xây dựng và máy móc chưa được hoàn thành hoặc lắp đặt xong. Không tính khấu hao cho xây dựng cơ bản dở dang trong giai đoạn xây dựng và lắp đặt.

(j) Chi phí trả trước dài hạn

Chi phí trả trước dài hạn gồm công cụ được phản ánh ban đầu theo nguyên giá và được phân bổ theo phương pháp đường thẳng từ hai đến ba năm.

(k) Các khoản phải trả thương mại và phải trả khác

Các khoản phải trả thương mại và phải trả khác được phản ánh theo nguyên giá.

(l) Dự phòng

Một khoản dự phòng được ghi nhận nếu, do kết quả của một sự kiện trong quá khứ, Công ty có nghĩa vụ pháp lý hiện tại hoặc liên đới có thể ước tính một cách đáng tin cậy, và chắc chắn sẽ làm giảm sút các lợi ích kinh tế trong tương lai để thanh toán các nghĩa vụ về khoản nợ phải trả đó. Khoản dự phòng được xác định bằng cách chiết khấu dòng tiền dự kiến có thể phải trả trong tương lai với tỷ lệ chiết khấu trước thuế phản ánh đánh giá hiện tại của thị trường về giá trị thời gian của tiền và rủi ro cụ thể của khoản nợ đó.

Công ty Cổ phần Ngô Han

Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010 (tiếp theo)

(m) Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên lợi nhuận hoặc lỗ của năm bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại. Thuế thu nhập doanh nghiệp được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh ngoại trừ trường hợp có các khoản thuế thu nhập liên quan đến các khoản mục được ghi nhận thẳng vào vốn chủ sở hữu, thì khi đó các thuế thu nhập này cũng được ghi nhận thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế dự kiến phải nộp dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm, sử dụng các mức thuế suất có hiệu lực hoặc cơ bản có hiệu lực tại ngày kết thúc niên độ kế toán, và các khoản điều chỉnh thuế phải nộp liên quan đến những năm trước.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính theo phương pháp bảng cân đối kế toán, cho các chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ của các khoản mục tài sản và nợ phải trả cho mục đích báo cáo tài chính và giá trị sử dụng cho mục đích tính thuế. Giá trị của thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận dựa trên cách thức thu hồi hoặc thanh toán giá trị ghi sổ của các khoản mục tài sản và nợ phải trả được dự kiến sử dụng các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc niên độ kế toán.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận trong phạm vi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để tài sản thuế thu nhập này có thể sử dụng được. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại được ghi giảm trong phạm vi không còn chắc chắn là các lợi ích về thuế liên quan này sẽ sử dụng được.

(n) Doanh thu

Doanh thu bán hàng được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khi phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hoá được chuyển giao cho người mua. Doanh thu không được ghi nhận nếu như có những yếu tố không chắc chắn trọng yếu liên quan tới khả năng thu hồi các khoản phải thu hoặc liên quan tới khả năng hàng bán bị trả lại.

(o) Các khoản thanh toán cho thuê hoạt động

Các khoản thanh toán cho thuê hoạt động được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng dựa vào thời hạn của hợp đồng thuê. Các khoản hoa hồng cho thuê được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh như là một bộ phận hợp thành của tổng chi phí thuê.

(p) Chi phí vay

Chi phí vay được ghi nhận là một chi phí trong năm khi chi phí này phát sinh, ngoại trừ trường hợp chi phí vay liên quan đến các khoản vay cho mục đích hình thành tài sản cố định hữu hình đủ điều kiện vốn hóa chi phí vay thì khi đó chi phí vay sẽ được vốn hoá và được ghi vào nguyên giá các tài sản cố định này.

Công ty Cổ phần Ngô Han

**Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010
(tiếp theo)**

(q) Lãi trên cổ phiếu

Công ty trình bày lãi cơ bản và lãi suy giảm trên cổ phiếu (EPS) cho các cổ phiếu phổ thông. Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách lấy lãi hoặc lỗ thuộc về cổ đông phổ thông của Công ty chia cho số lượng cổ phiếu phổ thông bình quân gia quyền lưu hành trong năm. Lãi suy giảm trên cổ phiếu được xác định bằng cách điều chỉnh lãi hoặc lỗ thuộc về cổ đông phổ thông và số lượng cổ phiếu phổ thông trung bình lưu hành có tính đến các ảnh hưởng của cổ phiếu phổ thông tiềm năng, bao gồm trái phiếu có thể chuyển đổi và quyền mua cổ phiếu.

(r) Báo cáo bộ phận

Một bộ phận là một hợp phần có thể xác định riêng biệt của Công ty tham gia vào việc cung cấp các sản phẩm hoặc dịch vụ liên quan (bộ phận chia theo hoạt động kinh doanh), hoặc cung cấp sản phẩm hoặc dịch vụ trong một môi trường kinh tế cụ thể (bộ phận chia theo vùng địa lý), mỗi bộ phận này chịu rủi ro và thu được lợi ích khác biệt với các bộ phận khác. Ban Giám đốc cho rằng Công ty hoạt động trong một bộ phận kinh doanh duy nhất, là sản xuất và bán dây cáp điện và trên một bộ phận địa lý duy nhất là Việt Nam.

(s) Các chỉ tiêu ngoài bảng cân đối kế toán

Các chỉ tiêu ngoài bảng cân đối kế toán, như được định nghĩa trong Hệ thống Kế toán Việt Nam, được trình bày trong các thuyết minh thích hợp của báo cáo tài chính này.

3. Tiền và các khoản tương đương tiền

	31/12/2010 VNĐ	31/12/2009 VNĐ
Tiền mặt	6.995.156	310.775.604
Tiền gửi ngân hàng	8.553.744.680	3.707.625.402
Tương đương tiền	8.962.289.667	87.500.000.000
	<hr/> 17.523.029.503	<hr/> 91.518.401.006

Trong tiền và các khoản tương đương tiền tại ngày 31 tháng 12 năm 2010 có số tiền khác VNĐ tương đương 2.927 triệu VNĐ (ngày 31 tháng 12 năm 2009: 63 triệu VNĐ).

Công ty Cổ phần Ngô Han

Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010
(tiếp theo)

4. Các khoản phải thu

Phải thu khác bao gồm:

	31/12/2010	31/12/2009
	VND	VND
Tạm ứng	2.241.934.325	598.437.936
Ký quỹ ngắn hạn	3.127.002.000	112.144.500
Khác	16.933.905	4.964.313
	<hr/>	<hr/>
	5.385.870.230	715.546.749

Biến động dự phòng phải thu khó đòi trong năm như sau:

	2010	2009
	VND	VND
Số dư đầu năm	216.517.281	161.199.607
Tăng dự phòng trong năm	35.000.224	55.317.674
Hoàn nhập	(20.317.450)	-
	<hr/>	<hr/>
	231.200.055	216.517.281

5. Hàng tồn kho

	31/12/2010	31/12/2009
	VND	VND
Hàng đang đi đường	120.448.154.190	43.517.385.141
Nguyên vật liệu	30.470.937.487	21.619.516.612
Công cụ và dụng cụ	1.934.183.190	1.980.303.854
Sản phẩm dở dang	751.291.859	1.140.317.952
Thành phẩm	226.350.566.848	112.225.664.987
Hàng tồn kho mua để bán	-	357.214.210
	<hr/>	<hr/>
	379.955.133.574	180.840.402.756

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2010 hàng tồn kho với giá trị ghi sổ là 30,4 triệu VNĐ (ngày 31 tháng 12 năm 2009: 55.791 triệu VNĐ) được thế chấp với ngân hàng để bảo đảm cho các khoản vay của Công ty.

Công ty Cổ phần Ngô Han

Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010 (tiếp theo)

6. Tài sản cố định hữu hình

	Nhà xưởng VNĐ	Máy móc VNĐ	Thiết bị văn phòng VNĐ	Phương tiện vận chuyển VNĐ	Tổng VNĐ
Nguyên giá					
Số dư đầu năm	11.658.770.002	116.436.333.798	1.030.141.453	5.646.281.715	134.771.526.968
Tăng trong năm	392.857.794	221.724.327	206.768.000	971.841.286	1.793.191.407
Chuyển từ xây dựng cơ bản dở dang	83.590.370	12.643.833.496	-	-	12.727.423.866
Thanh lý	-	-	-	(304.987.619)	(304.987.619)
Số dư cuối năm	12.135.218.166	129.301.891.621	1.236.909.453	6.313.135.382	148.987.154.622
Giá trị hao mòn lũy kế					
Số dư đầu năm	4.014.687.550	70.734.258.132	701.321.357	4.072.673.373	79.522.940.412
Khấu hao trong năm	557.597.219	9.037.454.125	153.292.678	457.101.059	10.205.445.081
Thanh lý	-	-	-	(304.987.619)	(304.987.619)
Số dư cuối năm	4.572.284.769	79.771.712.257	854.614.035	4.224.786.813	89.423.397.874
Giá trị còn lại					
Số dư đầu năm	7.644.082.452	45.702.075.666	328.820.096	1.573.608.342	55.248.586.556
Số dư cuối năm	7.562.933.397	49.530.179.364	382.295.418	2.088.348.569	59.563.756.748

Công ty Cổ phần Ngô Han**Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010**

(tiếp theo)

Trong tài sản cố định hữu hình có các tài sản có nguyên giá 24.185 triệu VNĐ đã khấu hao hết tính đến ngày 31 tháng 12 năm 2010 (ngày 31 tháng 12 năm 2009: 21.104 triệu VNĐ), nhưng vẫn đang được sử dụng.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2010 tài sản cố định hữu hình có giá trị ghi sổ là 25.582 triệu VNĐ (ngày 31 tháng 12 năm 2009: 29.481 triệu VNĐ) được thế chấp tại ngân hàng để đảm bảo cho các khoản vay của Công ty.

7. Tài sản cố định vô hình

	Phần mềm vi tính VNĐ
Nguyên giá	
Số dư đầu năm	606.278.318
Chuyển từ xây dựng cơ bản dở dang	1.663.051.500
	<hr/>
Số dư cuối năm	2.269.329.818
	<hr/>
Giá trị hao mòn lũy kế	
Số dư đầu năm	432.163.747
Khấu hao trong năm	636.073.321
	<hr/>
Số dư cuối năm	1.068.237.068
	<hr/>
Giá trị còn lại	
Số dư đầu năm	174.114.571
Số dư cuối năm	1.201.092.750
	<hr/>

8. Xây dựng cơ bản dở dang

	2010 VNĐ	2009 VNĐ
Số dư đầu năm	15.250.695.731	7.398.553.996
Tăng trong năm	3.897.646.829	9.471.855.735
Chuyển sang tài sản cố định hữu hình	(12.727.423.866)	(1.619.714.000)
Chuyển sang tài sản cố định vô hình	(1.663.051.500)	-
	<hr/>	<hr/>
Số dư cuối năm	4.757.867.194	15.250.695.731
	<hr/>	<hr/>

Công ty Cổ phần Ngô Han

Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010

(tiếp theo)

9. Chi phí trả trước dài hạn

	Công cụ VND
Số dư đầu năm	981.453.553
Tăng trong năm	5.200.511.082
Phân bổ trong năm	(1.884.827.317)
	<hr/>
Số dư cuối năm	4.297.137.318

10. Vay ngắn hạn

	31/12/2010 VND	31/12/2009 VND
Vay ngắn hạn	341.951.523.676	172.707.680.129
	<hr/>	<hr/>

Khoản vay ngắn hạn được bảo đảm bằng tài sản cố định hữu hình với giá trị ghi sổ tại ngày 31 tháng 12 năm 2010 là 25.582 triệu VND (ngày 31 tháng 12 năm 2009: 29.481 triệu VND) và hàng tồn kho với giá trị ghi sổ tại ngày 31 tháng 12 năm 2010 là 30,4 triệu VND (ngày 31 tháng 12 năm 2009: 55.791 triệu VND). Trong năm, các khoản vay này chịu lãi suất năm từ 4,0% đến 6,5% và các khoản vay bằng Đô la Mỹ và từ 9,0% đến 17,0% đối với các khoản vay bằng VND (ngày 31 tháng 12 năm 2009: 3,0% đến 6,5% đối với khoản vay bằng Đô la Mỹ).

11. Thuế phải nộp Ngân sách Nhà nước

	31/12/2010 VND	31/12/2009 VND
Thuế giá trị gia tăng	6.741.506.472	7.778.442.937
Thuế nhập khẩu	119.007.969	70.836.809
Thuế thu nhập doanh nghiệp	2.806.989.262	9.875.451.469
Thuế thu nhập cá nhân	-	13.751.850
	<hr/>	<hr/>
	9.667.503.703	17.738.483.065

Công ty Cổ phần Ngô Han

Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010

(tiếp theo)

12. Chi phí phải trả

	31/12/2010 VND	31/12/2009 VND
Hoa hồng cho khách hàng	886.205.490	1.010.890.000
Chi phí lãi vay	543.125.059	1.041.000.000
Lương tháng 13	1.081.475.156	1.932.959.000
Phí kiểm toán	94.864.144	171.100.000
Chi phí khác	-	5.495.014
	<hr/>	<hr/>
	2.605.669.849	4.161.444.014

13. Phải trả khác

	31/12/2010 VND	31/12/2009 VND
Bảo hiểm xã hội	336.982.328	63.817.912
Tài sản thừa chờ xử lý	295.710.325	295.710.325
Nguyên vật liệu giữ hộ để gia công	37.644.923	4.770.469.011
Cổ tức phải trả	2.363.353.201	5.028.399.000
Phải trả khác	449.088.237	378.388.108
	<hr/>	<hr/>
	3.482.779.014	10.536.784.356

Tài sản thừa chờ xử lý là số hàng tồn kho thừa phát hiện trong quá trình kiểm kê trong năm.

14. Dự phòng trợ cấp thôi việc

Biến động dự phòng trợ cấp thôi việc trong năm như sau:

	VND
Số dư đầu năm	1.141.944.500
Dự phòng lập trong năm	43.674.859
Sử dụng dự phòng trong năm	(24.295.000)
	<hr/>
Số dư cuối năm	1.161.324.359

Công ty Cổ phần Ngô Han

Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010

(tiếp theo)

Theo Bộ luật Lao động Việt Nam, khi nhân viên làm việc cho công ty từ 12 tháng trở lên (“nhân viên đủ điều kiện”) tự nguyện chấm dứt hợp đồng lao động của mình thì bên sử dụng lao động phải thanh toán tiền trợ cấp thôi việc cho nhân viên đó tính dựa trên số năm làm việc và mức lương tại thời điểm thôi việc của nhân viên đó. Dự phòng trợ cấp thôi việc được lập trên cơ sở mức lương hiện tại của nhân viên và thời gian họ làm việc cho Công ty.

Theo Luật Bảo hiểm Xã hội, kể từ ngày 1 tháng 1 năm 2009, Công ty và các nhân viên phải đóng vào quỹ bảo hiểm thất nghiệp do Bảo hiểm Xã hội Việt Nam quản lý. Mức đóng bởi mỗi bên được tính bằng 1% của mức thấp hơn giữa lương cơ bản của nhân viên hoặc hai mươi lần mức lương tối thiểu chung được Chính phủ quy định trong từng thời kỳ. Với việc áp dụng chế độ bảo hiểm thất nghiệp, Công ty không phải lập dự phòng trợ cấp thôi việc cho thời gian làm việc của nhân viên sau ngày 1 tháng 1 năm 2009. Tuy nhiên, trợ cấp thôi việc phải trả cho các nhân viên đủ điều kiện hiện có tại thời điểm 31 tháng 12 năm 2008 sẽ được xác định dựa trên số năm làm việc của nhân viên được tính đến 31 tháng 12 năm 2008 và mức lương bình quân của họ trong vòng sáu tháng trước thời điểm thôi việc.

Cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010, Công ty đã đóng 43,6 triệu VNĐ (2009: 61,9 triệu VNĐ) vào quỹ bảo hiểm thất nghiệp và khoản này được ghi nhận vào chi phí nhân công trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

15. Vốn cổ phần

Vốn cổ phần được duyệt và đã phát hành của Công ty như sau:

	31/12/2010		31/12/2009	
	Số lượng cổ phiếu	VNĐ	Số lượng cổ phiếu	VNĐ
Vốn cổ phần được duyet	22.950.627	229.506.273.435	22.950.627	229.506.273.435
Cổ phiếu đã phát hành				
Cổ phiếu phổ thông	22.950.627	229.506.273.435	22.950.627	229.506.273.435
Cổ phiếu quỹ				
Cổ phiếu phổ thông	(76.656)	(766.560.000)	-	-
Cổ phiếu đang lưu hành				
Cổ phiếu phổ thông	22.873.971	228.739.713.435	22.950.627	229.506.273.435

Công ty Cổ phần Ngô Han

Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010

(tiếp theo)

Toàn bộ cổ phiếu phổ thông có mệnh giá là 10.000 VNĐ. Mỗi cổ phiếu tương đương với một quyền biểu quyết tại các cuộc họp cổ đông của Công ty. Các cổ đông được nhận cổ tức được công bố vào từng thời điểm. Tất cả cổ phiếu phổ thông được xếp ngang hàng khi hưởng phần tài sản thuần còn lại của Công ty. Đối với cổ phiếu mà Công ty mua lại, mọi quyền được hoàn lại cho đến khi số cổ phiếu đó được phát hành lại.

Trong năm, Công ty đã thu lại số cổ phiếu thưởng đã phát hành cho các nhân viên vì họ nghỉ việc. Các cổ phiếu này được ghi nhận như cổ phiếu quỹ để thưởng cho nhân viên sau này, đối ứng với quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu theo mệnh giá.

16. Tổng doanh thu

Tổng doanh thu thể hiện tổng giá trị hàng bán trên hóa đơn chưa bao gồm thuế giá trị gia tăng.

17. Giá vốn hàng bán

	2010 VNĐ	2009 VNĐ
Thành phẩm đã bán	712.974.829.125	618.381.884.302
Nguyên vật liệu đã bán	382.981.275.053	289.604.187.635
Bán hàng hóa mua để bán	337.497.491	-
Khác	9.922.518.637	1.329.255.899
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	-	(16.492.957.744)
	<hr/>	<hr/>
	1.106.216.120.306	892.822.370.092

18. Doanh thu hoạt động tài chính

	2010 VNĐ	2009 VNĐ
Thu lãi tiền gửi	4.220.358.401	4.805.569.728
Lãi chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	5.659.547.127	3.879.016.000
Thu nhập khác	173.143.701	-
	<hr/>	<hr/>
	10.053.049.229	8.684.585.728

Công ty Cổ phần Ngô Han

Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010

(tiếp theo)

19. Chi phí tài chính

	2010 VND	2009 VND
Chi phí lãi vay	11.467.202.369	9.586.622.805
Lỗ chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	18.082.561.352	34.512.814.225
Lỗ chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	2.189.956.121	8.831.752.125
Chi phí khác	157.840.080	-
	<hr/>	<hr/>
	31.897.559.922	52.931.189.155

20. Thu nhập khác

	2010 VND	2009 VND
Bán phế liệu	243.993.562	1.180.474.458
	<hr/>	<hr/>

21. Thuế thu nhập doanh nghiệp

(a) Ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh

	2010 VND	2009 VND
Chi phí thuế thu nhập hiện hành		
Năm hiện tại	16.126.356.213	9.742.709.178
Dự phòng thiếu trong các năm trước	-	510.579.000
	<hr/>	<hr/>
	16.126.356.213	10.253.288.178
Lợi ích thuế thu nhập hoãn lại		
Phát sinh và hoàn nhập các khoản chênh lệch tạm thời	-	(180.273.003)
	<hr/>	<hr/>
	16.126.356.213	10.073.015.175

Công ty Cổ phần Ngô Han

Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010

(tiếp theo)

(b) Đối chiếu thuế suất thực tế

	2010 VND	2009 VND
Lợi nhuận trước thuế	64.505.424.846	53.659.025.800
Thuế theo thuế suất của Công ty	16.126.356.213	13.414.756.450
Chi phí không được khấu trừ thuế	-	323.127.471
Ưu đãi thuế	-	(4.175.447.746)
Dự phòng thiếu trong các năm trước	-	510.579.000
	<u>16.126.356.213</u>	<u>10.073.015.175</u>

(c) Thuế suất áp dụng

Công ty có nghĩa vụ nộp cho Nhà nước thuế thu nhập doanh nghiệp bằng 25% trên lợi nhuận chịu thuế.

22. Lãi cơ bản trên cổ phiếu

Việc tính lãi cơ bản trên cổ phiếu tại ngày 31 tháng 12 năm 2010 dựa trên số lợi nhuận thuộc về cổ đông phổ thông và số lượng cổ phiếu phổ thông bình quân gia quyền được tính như sau:

(i) Lợi nhuận thuần thuộc về cổ đông phổ thông

	2010 VND	2009 VND
Lợi nhuận thuần trong năm	48.379.068.633	43.586.010.625
Lợi nhuận thuần thuộc về cổ đông phổ thông	<u>48.379.068.633</u>	<u>43.586.010.625</u>

Công ty Cổ phần Ngô Han

Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010

(tiếp theo)

(ii) *Số cổ phiếu phổ thông bình quân gia quyền*

	2010	2009
Cổ phiếu phổ thông đã phát hành đầu năm	22.950.627	22.723.393
Ảnh hưởng của việc phát hành cổ phiếu thưởng	-	227.234
Ảnh hưởng của việc thu lại cổ phiếu quỹ từ nhân viên nghỉ việc	(76.656)	(76.656)
	<hr/>	<hr/>
Số lượng bình quân gia quyền cổ phiếu phổ thông cuối năm	22.873.971	22.873.971
	<hr/>	<hr/>
	2010	2009
	VNĐ	VNĐ
Lãi cơ bản trên cổ phiếu (bằng VNĐ)	2.115	1.905

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2009, Công ty không có cổ phiếu phổ thông tiềm năng có tác động suy giảm.

23. Cổ tức

Vào tháng 4 năm 2010, Hội đồng Quản trị của Công ty đã quyết định phân phối số cổ tức còn lại cho năm 2009 là 9.180.250.000 VNĐ.

Vào ngày 30 tháng 6 năm 2010 và ngày 30 tháng 12 năm 2010, Hội đồng Quản trị của Công ty đã quyết định phân phối số 10% cổ tức giữa niên độ bằng tiền mặt vào tháng 8 năm 2010 và 10% cổ tức trả bằng cổ phiếu thưởng trong năm 2011 (năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2009: 65.784.225.936 VNĐ). Các cổ phiếu thưởng vẫn chưa được phát hành tại ngày 31 tháng 12 năm 2010.

Công ty Cổ phần Ngô Han

Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010

(tiếp theo)

24. Các giao dịch chủ yếu với các bên liên quan

Trong năm có các giao dịch chủ yếu với các bên liên quan sau:

	Giá trị giao dịch		Số dư tại ngày 31 tháng 12	
	2010 VNĐ	2009 VNĐ	2010 VNĐ	2009 VNĐ
Công ty liên quan				
Bán thành phẩm	-	16.203.712.822	-	757.285.361
Bán phế liệu	-	896.468.237	-	-
Bán hàng gia công	-	268.479.111	-	-
Hoa hồng phải trả	-	718.243.290	-	-
Mua máy móc	-	308.520.229	-	-
Mua xe cộ	860.031.637	-	452.599.715	-
Thành viên Ban lãnh đạo				
Phải thu Chủ tịch Hội đồng Quản trị	-	166.000.000	-	166.000.000

25. Các cam kết thuê

Các khoản tiền thuê tối thiểu phải trả cho các hợp đồng thuê hoạt động không được hủy ngang như sau:

	31/12/2010 VNĐ	31/12/2009 VNĐ
Trong vòng một năm	725.280.240	76.424.000
Từ hai đến năm năm	150.096.000	150.108.000
Trên năm năm	1.171.895.367	1.200.864.000
	<u>2.047.271.607</u>	<u>1.427.396.000</u>

26. Các khoản phải trả thuần có gốc ngoại tệ

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2010, Công ty các tài sản tiền tệ có gốc ngoại tương đương với 5.604.750 Đôla Mỹ và các khoản phải trả tiền tệ tương đương với 23.171.694 Đôla Mỹ dẫn tới khoản phải trả thuần tương đương với 17.566.944 Đôla Mỹ. Tại ngày 11 tháng 2 năm 2011, tỉ giá hối đoái của Việt Nam Đồng đã giảm 9.3% so với Đôla Mỹ, từ 18.932/USD1 tại ngày 31 tháng 12 năm 2010 xuống 20.693/USD1. Khoản phải trả thuần cùng với sự giảm giá của Việt Nam Đồng có thể ảnh hưởng đến kết quả hoạt động của Công ty.

Công ty Cổ phần Ngô Han

Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010
(tiếp theo)

27. Chi phí sản xuất và kinh doanh theo yếu tố

	2010 VND	2009 VND
Chi phí nguyên vật liệu trong chi phí sản xuất	869.172.720.502	652.639.613.345
Chi phí nhân công và nhân viên	13.539.480.523	12.393.579.112
Chi phí khấu hao và phân bổ	12.726.345.719	9.998.190.046
Chi phí dịch vụ mua ngoài	33.306.193.829	17.047.456.900
Chi phí khác	2.726.023.055	1.325.302.000

Người lập:



Nguyễn Thị Hương
Kế toán trưởng

Người duyệt:



Ngô Thị Thông
Tổng Giám đốc

11 MAR 2011

